

Hiện trạng sử dụng tài chính của nghề nuôi cá điêu hồng (*Oreochromis* sp.) trong lồng bè tại tỉnh Bến Tre

Lê Thị Hồng Trang

Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tiền Giang
lethihongtrang@tgu.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu này đánh giá hiện trạng và hiệu quả tài chính của nghề nuôi cá điêu hồng (*Oreochromis* sp.) trong lồng bè tại tỉnh Bến Tre năm 2023, dựa trên khảo sát 60 hộ nuôi. Kết quả cho thấy, tổng chi phí nuôi là 3.816.850 đồng/m³/vụ, tổng doanh thu đạt 4.952.500 đồng/m³/vụ, mang lại lợi nhuận 1.135.650 đồng/m³/vụ với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 22,9 %. Theo đánh giá của hộ nuôi, 28,3 % cho rằng nghề này mang lại thu nhập "rất tốt", 18,4 % đánh giá "tốt". Những khó khăn lớn hiện nay (được 100 % hộ nuôi công nhận) bao gồm giá thức ăn tăng cao, chi phí dùng thuốc hóa chất ngày càng lớn, môi trường nước ô nhiễm và đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn ngày càng tăng. Tuy vậy, có đến 95 % hộ nuôi vẫn mong muốn tiếp tục phát triển nghề nuôi CĐH trong lồng bè tại địa phương.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 29/08/2024
Được duyệt 13/05/2025
Công bố 28/06/2025

Từ khóa

Bến Tre, cá điêu hồng, hiệu quả tài chính, lồng bè, *Oreochromis* sp.

1 Đặt vấn đề

Cá điêu hồng (*Oreochromis* sp. – CĐH) là loài cá nước ngọt được nuôi phổ biến ở nhiều quốc gia vùng nhiệt đới. Đây là loài cá có kích cỡ to, nuôi mau lớn, màu hồng nhạt khá đẹp, chất lượng thịt cao và ít xương nên được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Hiện nay, CĐH là một trong những đối tượng nuôi chủ lực tại nhiều nơi ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó có Bến Tre [1]. Theo nghiên cứu, nuôi CĐH lồng bè được xem là mô hình nuôi có năng suất cao nhất vì nuôi mật độ từ (80-100) con/m³/vụ [1]. Theo thống kê của Chi cục Thủy sản Bến Tre, hiện toàn tỉnh có 135 cơ sở nuôi cá lồng bè với số lượng 577 bè với thể tích nuôi 68 933 m³ [2]. Tại Bến Tre, cá điêu hồng được nuôi tập trung tại xã Phú Túc, xã Tân Thạch (huyện Châu Thành), xã Sơn Định và xã Phú Phụng (huyện Chợ Lách) [3]. Theo khảo sát, nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre là một mô hình sản xuất thủy sản truyền

thống của địa phương và có thời gian gần 50 năm. Thời gian qua, nghề nuôi CĐH lồng bè đã mang lại thu nhập cao, cải thiện sinh kế cho rất nhiều nông hộ nuôi cá bè tại Bến Tre [3, 4]. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nghề nuôi CĐH trong lồng bè ở các tỉnh vùng ĐBSCL nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng đã và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức lớn như: chất lượng con giống giảm, giá thức ăn và thuốc hóa chất tăng cao và nhanh nên chi phí đầu tư lớn [5, 6]. Bên cạnh đó, giá bán CĐH thương phẩm giảm thấp và không ổn định làm cho hiệu quả sử dụng tài chính dành cho nghề nuôi CĐH tại Bến Tre chưa thật sự hiệu quả, từ đó người nuôi cá không mạnh dạn đầu tư phát triển mô hình. Vì vậy, việc khảo sát hiện trạng và đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi CĐH lồng bè ở tỉnh Bến Tre là cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp các dữ liệu quan trọng để tìm ra các giải pháp thích hợp hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính

trong việc đầu tư và mở rộng sản xuất cho mô hình nuôi CĐH lồng bè tại tỉnh Bến Tre.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Thời gian và địa điểm

Nghiên cứu đã thực hiện khảo sát 60 nông hộ nuôi CĐH lồng bè từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2023. Theo đó, khảo sát được thực hiện ở 4 xã gồm Tân Thạch, Phú Túc (huyện Châu Thành), xã Sơn Định và xã Phú Phụng (huyện Chợ Lách) của tỉnh Bến Tre.

2.2 Thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp ngẫu nhiên 60 hộ nuôi CĐH lồng bè (mỗi xã 15 hộ) ở 2 xã của huyện Châu Thành và 2 xã của huyện Chợ Lách bằng bản câu hỏi soạn sẵn có chứa các nội dung nghiên cứu. Các hộ được chọn phỏng vấn theo nhóm điển hình, có hộ đại diện cho nhóm hộ nuôi với quy mô lớn (≥ 10 lồng nuôi) và có hộ đại diện cho nhóm hộ nuôi với quy mô nhỏ (< 10 lồng nuôi). Nghiên cứu chọn hộ điều tra dựa vào dữ liệu về hiện trạng chi tiết (khu vực nuôi tập trung, mô hình nuôi, quy mô nuôi, v.v) của nghề nuôi CĐH lồng bè từ các báo cáo của Chi cục Thủy sản Bến Tre năm 2023. Các biến (chỉ tiêu) khảo sát chính gồm: thông tin chung về nông hộ, các chi phí đầu tư trong quá trình nuôi cá (xây dựng bè, cơ sở vật chất, công trình nuôi, con giống, thức ăn, thuốc hóa chất, nhiên liệu, nhân công, v.v), giá bán, tổng doanh thu, lợi nhuận từ nuôi CĐH bè và một số tiêu chí kỹ thuật có liên quan đến lợi nhuận (mật độ thả, tỷ lệ sống, năng suất nuôi cá). Bên cạnh đó, nghiên cứu viên kết hợp quan sát điều kiện thực tế tại nông hộ trong quá

trình đi phỏng vấn để bổ sung và kiểm chứng dữ liệu thu thập được.

2.3 Xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu được, đã dùng phần mềm Excel 2020 và SPSS 20.0 để xử lý thống kê. Nghiên cứu phân tích các thống kê mô tả như số trung bình, tỷ lệ (%), độ lệch chuẩn (S.D.), các giá trị max, min.

Hiện trạng sử dụng tài chính và chi phí được tính như sau:

Tổng doanh thu (triệu đồng/m³/vụ) = Sản lượng cá (kg) × Giá bán cá (nghìn đồng/kg).

Tổng chi phí (triệu đồng/m³/vụ) = Chi phí cố định (triệu đồng/m³/vụ) + Chi phí biến đổi (triệu đồng/m³/vụ).

Chi phí cố định: bao gồm chi phí đầu tư xây dựng lồng nuôi, công trình nuôi, khấu hao công trình nuôi theo hàng năm.

Chi phí biến đổi: bao gồm các chi phí mua cá giống, thuốc hóa chất, thức ăn, lao động, nhiên liệu và các chi phí phát sinh khác.

Lợi nhuận (triệu đồng/m³/vụ) = Tổng doanh thu (triệu đồng/m³/vụ) – Tổng chi phí sản xuất (triệu đồng/m³/vụ).

Tỷ suất lợi nhuận (%) = (Lợi nhuận/Tổng doanh thu) × 100

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Thông tin chung về nông hộ nuôi CĐH

3.1.1 Kinh nghiệm nuôi CĐH

Kinh nghiệm của các hộ nuôi CĐH ở khu vực khảo sát được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1 Kinh nghiệm nuôi CĐH của các hộ khảo sát

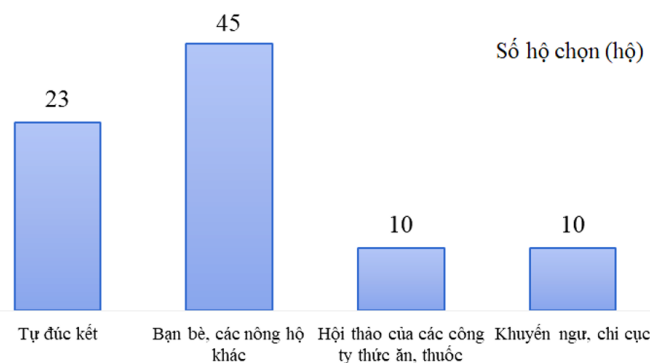
Kinh nghiệm nuôi cá (năm)	Tổng số hộ khảo sát (N = 60)		Số hộ nuôi có lời (n ₁ = 43)		Số hộ nuôi bị lỗ (n ₂ = 17)	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Dưới 5 năm	11	18,3	9	20,9	2	11,8
Từ 5 năm đến dưới 10 năm	20	33,3	15	34,9	5	29,4
Từ 10 năm đến dưới 20 năm	25	41,7	15	34,9	10	58,8
Trên 20 năm	4	6,7	4	9,3	0	0,0

Trong nuôi CĐH, bên cạnh việc ứng dụng những khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh nghiệm nuôi tích lũy được

từ các vụ nuôi trước ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Hộ nuôi có kinh nghiệm nhiều thì việc

chăm sóc, quản lý quá trình nuôi sẽ tốt hơn, xử lý nhanh các vấn đề xuất phát từ sự biến đổi môi trường và dịch bệnh. Nhìn chung, nghề nuôi CĐH ở tỉnh Bến Tre là nghề sản xuất mang tính truyền thống, nên các hộ nuôi ở đây có kinh nghiệm nuôi từ (10-20) năm là chủ yếu (Bảng 1). Theo đó, số hộ nuôi có kinh nghiệm từ (10-20) năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 41,7 % (tổng 25 hộ; trong đó 15 hộ lờ, 10 hộ lỗ), kế đến là hộ nuôi (5-10) năm (tổng 33,3 %; trong đó hộ có lờ là 34,9 %, hộ lỗ là 29,4 %) và chiếm tỷ lệ thấp nhất là hộ có kinh nghiệm nuôi ≥ 20 năm (có 4 hộ với tỷ lệ 6,7 % và đều là các hộ có lờ). Kinh nghiệm có được qua các vụ nuôi, thời điểm thả giống phù hợp, quá trình chăm sóc quản lý trong suốt giai đoạn nuôi, v.v. Chính điểm mạnh này đã góp phần làm tăng năng suất cho vụ nuôi, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính cho nghề nuôi CĐH lồng bè. So với các tỉnh khác của vùng ĐBSCL có nghề nuôi CĐH, kinh nghiệm nuôi của các hộ được khảo sát trong nghiên cứu này có phần cao hơn. Kết quả nghiên cứu tại Tiền Giang cho thấy, số năm kinh nghiệm nuôi CĐH dao động từ (2-10) năm, số năm kinh nghiệm nuôi trung bình là 6,2 năm [7]. Một nghiên cứu khác cũng khảo sát tình hình nuôi CĐH lồng bè ở tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang cho thấy, các hộ nuôi đều có số năm kinh nghiệm rất lâu năm, từ 5 năm đến hơn 10 năm, đặc biệt ở tỉnh Đồng Tháp có đến 75 % số hộ có kinh nghiệm trên 10 năm [8].

3.1.2 Các nguồn học hỏi, cập nhật thông tin kỹ thuật



Hình 1 Các nguồn học hỏi thông tin, cập nhật kỹ thuật nuôi CĐH lồng bè

Các nguồn học hỏi, cập nhật kỹ thuật nuôi CĐH của các nông hộ khảo sát được trình bày qua Hình 1. Tuy đa số các hộ nuôi đều có nhiều kinh nghiệm trong nghề nuôi CĐH, nhưng để nâng cao hơn nữa kỹ thuật nuôi cũng như sử dụng nguồn vốn đầu tư cho ngành

nghề như thế nào mang lại lợi nhuận cao nhất thì kinh nghiệm là chưa đủ, mà các hộ nuôi cần phải tìm tòi học hỏi, cập nhật kiến thức mới một cách thường xuyên thông qua khá nhiều nguồn như khuyến ngư, tự nghiên cứu, hội thảo của các công ty thương mại, trao đổi bạn bè (Hình 1).

Với những nguồn học hỏi cập nhật trên, các kỹ thuật mới đã góp phần giúp hộ nuôi nâng cao được năng suất nuôi, kịp thời cập nhật các thông tin khoa học kỹ thuật mới, từ đó hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư cho nghề nuôi CĐH được nâng cao hơn. Hình 1 cho thấy, các hộ nuôi chưa quan tâm đến việc tìm hiểu các thông tin kỹ thuật nuôi qua khuyến ngư, chi cục (chỉ có 10/60 hộ; trong đó hộ có lờ là 8 hộ, hộ lỗ là 2 hộ) và hội thảo của các công ty thức ăn, thuốc hóa chất (chỉ có 10/60 hộ và đều là 10 hộ có lờ).

Do nghề nuôi CĐH chỉ đặc trưng ở một số vùng nuôi nhất định và kỹ thuật nuôi cũng chưa được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, mà chủ yếu là phổ biến qua các chương trình khuyến ngư của địa phương. Đây cũng là một vấn đề khó khăn trong việc cập nhật các thông tin khoa học kỹ thuật của người nuôi CĐH. Hầu hết các hộ nuôi CĐH ở Bến Tre chủ yếu tìm hiểu các thông tin kỹ thuật qua trao đổi bạn bè là chính (có 45/60 hộ; trong đó hộ có lờ là 31 hộ, hộ lỗ là 14 hộ), tiếp theo là tự đúc kết (có 23/60 hộ; trong đó hộ có lờ là 16 hộ, hộ lỗ là 7 hộ). Điều đó cho thấy, những hộ nuôi CĐH lồng bè ở đây chủ yếu là học hỏi từ đồng nghiệp (bạn cùng nuôi cá) và tự rút kinh nghiệm cho bản thân sau mỗi vụ nuôi và chưa quan tâm nhiều đến nguồn học hỏi khác.

3.2 Hiện trạng sử dụng tài chính của nghề nuôi CĐH

3.2.1 Chi phí của mô hình nuôi CĐH lồng bè

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, chi phí cố định đầu tư ban đầu của mô hình nuôi CĐH lồng bè là 214.821 đồng/m³/vụ, chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (chiếm 5,6 %) trong tổng chi phí đầu tư vào mô hình nuôi. Trong quá trình khảo sát cá hộ nuôi CĐH lồng bè, gặp khó khăn trong vấn đề phỏng vấn riêng từng loại chi phí cố định: chi phí khấu hao lồng bè và chi phí khấu hao trang thiết bị, do các hộ nuôi không nhớ chính xác từng chi phí, vì vậy bài báo này chỉ đề cập chung là chi phí khấu hao lồng bè và dụng cụ, trang thiết bị.

Bảng 2 Các khoản chi phí trong nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre

Các chỉ tiêu khảo sát	Chi phí	Tỷ lệ (%)
Tổng chi phí (đồng/m³/vụ)	3.816.850 ± 987.456	100
I. Chi phí cố định (đồng/m³/vụ)	214.821 ± 98.750	5,6
Chi phí khấu hao tài sản cố định, lồng bè và dụng cụ thiết bị (đồng/m ³ /vụ)	92.581 ± 11.678	
II. Chi phí biến đổi (đồng/m³/vụ)	3.602.029 ± 1.026.235	94,4
2.1. Chi phí thức ăn (đồng/m ³ /vụ)	2.943.984 ± 887.350	77,1
2.2. Chi phí mua cá giống (đồng/m ³ /vụ)	257.992 ± 34.240	6,8
2.3. Chi phí thuốc, hóa chất (đồng/m ³ /vụ)	296.960 ± 86.452	7,8
2.4. Chi phí khác (nhân công, điện, nhiên liệu,...) (đồng/m ³ /vụ)	103.093 ± 50.500	2,7

Ghi chú: Giá trị thể hiện trong bảng là số trung bình và độ lệch chuẩn.

Chi phí biến đổi trong mô hình nuôi CĐH lồng bè rất cao, chiếm đến 94,4 % tổng chi phí, giá trị trung bình là 3.602.029 đồng/m³/vụ. Trong đó, chi phí thức ăn chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 77,1 % tổng chi phí, giá trị trung bình là 2.943.984 đồng/m³/vụ); thấp hơn là chi phí thuốc hóa chất (chiếm 7,8 % tổng chi phí); và chi phí mua CĐH giống (chiếm 6,8 % tổng chi phí). Thấp nhất là các chi phí khác (nhân công, chi phí điện, chi phí dụng cụ cho ăn, chi phí nhiên liệu,...) chỉ chiếm 2,7 % tổng chi phí (Bảng 2). Trước đây đã có nghiên cứu cho kết quả tương tự ở vùng nuôi CĐH lồng bè ở Tiền Giang. Báo cáo của Phan Võ Nhật Vinh cho thấy, chi phí thức ăn luôn chiếm tỷ lệ rất cao (82 %) trong tổng chi phí, kế đến là chi phí con giống (15 % tổng chi phí) và chi phí thuốc hóa chất (2 % tổng chi phí) của nghề nuôi CĐH lồng bè ở Tiền Giang năm 2015 [7].

Theo kết quả này, người nuôi cá bè cần quản lý tốt các chi phí đầu tư. Đặc biệt, người nuôi cá cần tìm cách giảm các chi phí biến đổi chính yếu như tiền mua cá giống, tiền mua thuốc hóa chất và tiền mua thức ăn nuôi CĐH để đạt được lợi nhuận cao nhất cho vụ nuôi của mình. Vì vậy, các nông hộ có thể giảm các loại chi phí này bằng cách liên kết với nhau thành các tổ hợp tác hoặc hợp tác xã nông nghiệp, từ đó ký hợp đồng mua

bán trực tiếp với các công ty sản xuất thức ăn, thuốc hóa chất để mua được các sản phẩm thức ăn nuôi cá, thuốc và hóa chất dùng phòng trị bệnh cho cá nuôi với chi phí thấp nhất.

3.2.2 Hiệu quả sử dụng tài chính của mô hình nuôi CĐH lồng bè

Kết quả khảo sát hiện trạng về hiệu quả tài chính của mô hình nuôi CĐH lồng bè ở Bến Tre được thể hiện qua Bảng 3. Giá cả tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng rất lớn đến người nuôi trồng thủy sản, bất cứ nông hộ nào cũng quan tâm đến lợi nhuận thu được sau khi thu hoạch. Vì vậy, giá bán sản phẩm tại thời điểm thu hoạch rất quan trọng đối với người nông dân nói chung và người nuôi CĐH lồng bè nói riêng. Theo kết quả khảo sát được ở Bảng 3 từ 60 nông hộ, giá bán CĐH thành phẩm trung bình ở mức 42.540 đồng/kg với cá thương phẩm có cỡ (1,1-1,5) con/kg. Theo nông hộ, giá bán dao động tùy theo thời điểm thu hoạch cá và hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào các thương lái tại địa phương. Nhìn chung, giá bán CĐH thương phẩm của các nông hộ cũng tương đối và không có sự chênh lệch quá nhiều giữa các nông hộ hay theo từng thời điểm trong năm vì đa số các nông hộ bán CĐH cho các thương lái cũng là chủ các đại lý bán thức ăn CĐH và bán thuốc thủy sản tại địa phương [5].

Bảng 3 Hiệu quả tài chính của mô hình nuôi CĐH lồng bè

Các chỉ tiêu khảo sát	Kết quả khảo sát (N = 60)	
1. Giá bán CĐH thương phẩm (đồng/kg)	42.540 ± 3.520	Tỷ lệ hộ có lời hoặc hộ thua lỗ (%)
2. Tổng chi phí (đồng/m ³ /vụ)	3.816.850 ± 987.456	
3. Tổng doanh thu (đồng/m ³ /vụ)	4.992.500 ± 986.250	
4. Lợi nhuận (đồng/m ³ /vụ)	1.135.650 ± 524.112	

5. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (%)	22,9 ± 9,6	
6. Số hộ có lời hoặc bị lỗ:		
6.1. Hộ có lời (43/60 hộ) (đồng/m ³ /vụ)	1.953.398 ± 633.227	71,7
6.2. Hộ thua lỗ (17/60 hộ) (đồng/m ³ /vụ)	-350.155 ± 126.150	28,3

Ghi chú: Giá trị thể hiện trong bảng là số trung bình và độ lệch chuẩn.

Chi phí đầu tư nuôi CĐH lồng bè là 3.816.850 đồng/m³/vụ. Tổng doanh thu trung bình của mô hình nuôi CĐH lồng bè là 4.992.500 đồng/m³/vụ, với lợi nhuận trung bình là 1.135.650 đồng/m³/vụ (Bảng 3). Kết quả khảo sát 60 hộ nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre cho thấy, có đến 28,3 % hộ nuôi thua lỗ (17/60 hộ) với số tiền bị lỗ trung bình là 350.155 đồng/m³/vụ. Theo khảo sát ý kiến nông hộ, nguyên nhân những hộ nuôi này bị lỗ có thể do các hộ nuôi với thể tích nhỏ (dao động (100-150) m³, trung bình 135 m³) nhưng thả nuôi với mật độ rất cao (dao động (200-245) con/m³, trung bình 238 con/m³) nên năng suất và tỷ lệ sống thu được rất thấp (lần lượt là 45,3 kg/m³/vụ và 45 %). Mật độ nuôi cao, khó quản lý đã kéo theo tăng chi phí nuôi và giảm lợi nhuận một cách đáng kể. Tuy nhiên, cũng có 71,7 % hộ nuôi có lời (43/60 hộ) với số tiền lời trung bình là 1.953.398 đồng/m³/vụ và tỷ suất lợi nhuận trên

tổng doanh thu trung bình là 22,9 % (Bảng 3). Theo khảo sát, các nông hộ này thường thả cá với mật độ vừa phải (trung bình (150-200) con/m³), không quá dày; từ đó dễ kiểm soát môi trường và quản lý sức khỏe cá, tỷ lệ cá hao hụt thấp, đồng thời chi phí thức ăn cũng thấp hơn; do đó các hộ này nuôi cá có lợi nhuận.

3.3 Một số thuận lợi và khó khăn về kinh tế xã hội của nghề nuôi CĐH ở Bến Tre

3.3.1 Mức độ đóng góp cho thu nhập của nông hộ từ nghề nuôi CĐH

Mức thu nhập từ nghề nuôi CĐH mang đến cho gia đình cũng được nghiên cứu khảo sát để đánh giá, từ đó biết được hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi CĐH lồng bè đã đóng góp cho tổng thu nhập của hộ nuôi và khả năng mở rộng phát triển của mô hình này trong tương lai. Kết quả khảo sát mức độ này được thể hiện qua Bảng 4.

Bảng 4 Mức độ đóng góp của nghề nuôi CĐH vào tổng thu nhập của hộ nuôi

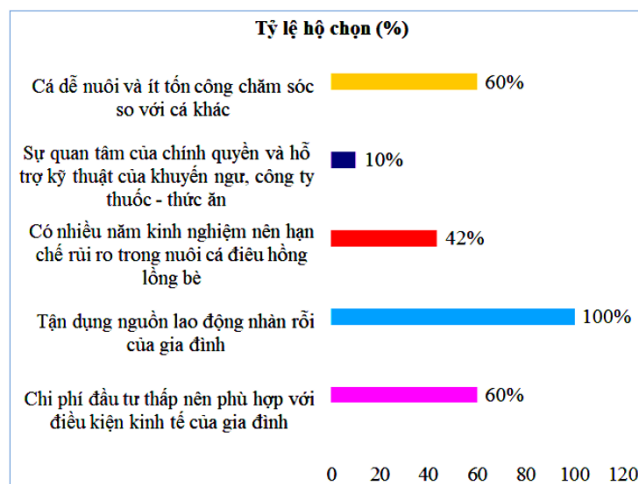
STT	Mức độ đóng góp vào tổng thu nhập nông hộ từ nghề nuôi CĐH	Tổng hộ khảo sát (N = 60)		Hộ có lời (n ₁ = 43)		Hộ lỗ (n ₂ = 17)	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Rất tốt (đóng góp trên 75 %)	17/60	28,3	17/43	39,5	0/17	0
2	Tốt (đóng góp từ 50 % đến dưới 75 %)	11/60	18,4	11/43	25,6	0/17	0
3	Trung bình (đóng góp từ 25 % đến dưới 50 %)	17/60	28,3	10/43	23,3	7/17	41,2
4	Thấp (đóng góp dưới 25 %)	15/60	25,0	5/43	11,6	10/17	58,8

Bảng 4 cho thấy, nguồn thu nhập từ nghề nuôi CĐH mang lại cho gia đình “Rất tốt” với 17/60 hộ chọn, chiếm tỷ lệ cao với 28,3 % (trong đó tỷ lệ hộ có lời chọn là 39,5 % và hộ lỗ không chọn mức độ này). Thu nhập đóng góp từ nghề nuôi CĐH theo đánh giá “Tốt” chiếm tỷ lệ 18,4 % (11/60 hộ, trong đó 11/43 hộ (25,6 %) có lời chọn mức độ này và hộ thua lỗ cũng không chọn

mức độ này). Các mức độ đóng góp còn lại là “Trung bình”, “Thấp” chiếm tỷ lệ lần lượt 28,3 % và 25 % và hầu như tập trung từ ý kiến ở các hộ nuôi cá thua lỗ (từ (41,2-58,8) %). Điều này cho thấy, nghề nuôi CĐH ở tỉnh Bến Tre đã mang lại nguồn thu nhập tốt, cải thiện sinh kế đáng kể cho các hộ dân tại địa phương. Theo khảo sát, nông hộ cho rằng, việc tận dụng thủy vực tự

nhiên là dòng sông Tiền có nguồn nước dồi dào với dòng chảy mạnh, ứng dụng nuôi các loài thủy sản trong đó có CĐH đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Chính điều kiện tự nhiên ưu đãi này đã giúp nông hộ phần khởi, muốn mở rộng phát triển mạnh mô hình nuôi cá điều hồng trong thời gian tới.

3.3.2 Những thuận lợi và khó khăn về khía cạnh xã hội của nghề nuôi CĐH lồng bè



Hình 2 Một số thuận lợi đối với nghề nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre

Một số thuận lợi: qua khảo sát, các nông hộ nêu ý kiến cho rằng, nghề nuôi cá điều hồng hiện nay tại Bến Tre có nhiều thuận lợi về mặt kinh tế – xã hội (Hình 2) cơ bản như: (i) tận dụng được lao động nhân rỗi của gia đình để tăng thu nhập (60/60 hộ đánh giá, chiếm 100 % hộ khảo sát bao gồm hộ có lời và hộ thua lỗ). Bên cạnh đó, chi phí đầu tư thấp (ii) và CĐH khá dễ nuôi (iii) là những thuận lợi có cùng tỷ lệ hộ đánh giá (36/60 hộ, chiếm 60 %; trong đó 100 % số hộ yếu tố này là các hộ có lời). Nghề nuôi CĐH là một nghề khá lâu đời mang tính truyền thống ở Bến Tre nên việc giàu kinh nghiệm nuôi (iv) cũng là một yếu tố tạo nên thuận lợi của mô hình nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre với 25/60 hộ chọn (trong đó 9/25 hộ có lời, 16/25 hộ thua lỗ), chiếm tỷ lệ 42 % (trong đó hộ có lời chọn là 15 %, hộ thua lỗ chọn là 27 %) (Hình 2).

Một số khó khăn: bên cạnh những thuận lợi nêu trên, các nông hộ nuôi CĐH tại Bến Tre cũng đang đối mặt với một số thách thức vô cùng to lớn (Bảng 5) trong đó 100 % số hộ yếu tố này là các hộ có lời). Nghề nuôi.

Theo đó, khó khăn lớn nhất (3) là giá thức ăn và thuốc hóa chất phục vụ nuôi CĐH tăng mạnh và tăng liên tục theo thời gian gần đây (60/60 hộ nêu ý kiến, chiếm 100 %; trong đó 100 % hộ có lời và 100 % hộ lỗ đều chọn ý kiến này). Tuy nhiên, theo thời gian, (2) giá bán CĐH thương phẩm lại giảm mạnh so với những năm trước đây (có 60/60 hộ nêu ý kiến này, chiếm 100 % ở cả nhóm hộ nuôi có lời và nhóm hộ thua lỗ). Khó khăn tiếp theo (1) là nông hộ đang thiếu vốn nuôi cá hoặc các cơ quan chức năng chưa có chính sách hỗ trợ ưu đãi vay vốn (có 24/60 hộ nêu ý kiến, chiếm 40 %; trong đó có 11/43 hộ có lời và 13/17 hộ lỗ chọn ý kiến này). Môi trường nước sông dùng nuôi cá ngày càng ô nhiễm (4) do các hoạt động sản xuất nông nghiệp của cư dân ven bờ (15/60 hộ chọn, chiếm 25 %; trong đó 10/43 hộ có lời và 5/17 hộ lỗ đánh giá khó khăn này). Theo khảo sát, các hoạt động trồng trọt ven bờ như trồng bưởi da xanh, trồng nhãn và các loại cây ăn trái khác, khi nông hộ phun thuốc bảo vệ thực vật, gặp mưa to nước chảy xuống dòng sông sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe cá nuôi, cá biểu hiện cá giảm ăn, một số con có dấu hiệu nhiễm độc. Bên cạnh đó, hoạt động xả chất thải chưa qua xử lý của nghề ương CĐH giống trong các ao ven bờ dọc theo sông Tiền (gần khu bè nuôi cá) cũng ảnh hưởng rất lớn đến các lồng bè nuôi cá, nhất là ảnh hưởng của việc ô nhiễm sinh học và lây lan dịch bệnh trên cá nuôi. Một khó khăn khác rất quan trọng (5) là hiện nay nguồn nước mặt trên sông Tiền thường bị xâm nhập mặn vào mùa khô. Theo nông hộ, xâm nhập mặn diễn ra mạnh mẽ ở những năm gần đây và có những tác động bất lợi cho cá nuôi như cá bị nổi mắt, bỏ ăn, chết đột ngột với số lượng lớn, gây thiệt hại nặng nề cho các hộ nuôi (36/60 hộ đánh giá, chiếm 60 %; trong đó 25/43 hộ có lời và 11/17 hộ lỗ chọn ý kiến này). Ngoài ra, còn một số khó khăn (6) khác (5/60 hộ chọn, chiếm 8,3 % và tập trung ở nhóm hộ thua lỗ) như bè nuôi cá bị ảnh hưởng bởi hoạt động du lịch trên sông (nhất là vùng nuôi cá thuộc huyện Châu Thành), các hoạt động khai thác thủy sản mang tính hủy diệt (như sử dụng hóa chất, xung điện để đánh bắt thủy sản) cũng ảnh hưởng bất lợi đến cá nuôi. Tóm lại, những khó khăn mà nông hộ đang gặp phải như đã nêu đã gây ảnh hưởng đến hiệu quả

của vụ nuôi nói chung và hiệu quả sử dụng tài chính đầu tư cho nghề nuôi CĐH lồng bè nói riêng là rất lớn.

Bảng 5 Một số khó khăn ảnh hưởng đến nghề nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre

STT	Các khó khăn nông hộ đang gặp phải	Tổng hộ khảo sát (N = 60)		Hộ có lời (n ₁ = 43)		Hộ lỗ (n ₂ = 17)	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Thiếu vốn nuôi cá hoặc nhà nước chưa có chính sách hỗ trợ về vay vốn	24	40	11	25,6	13	76,5
2	Giá bán cá thương phẩm giảm thấp và tăng giảm không ổn định	60	100	43	100	17	100
3	Giá thức ăn, giá thuốc hóa chất ngày càng tăng cao, tăng nhanh và tăng liên tục	60	100	43	100	17	100
4	Môi trường nước ngày càng ô nhiễm do các hoạt động sản xuất (nông nghiệp, nuôi cá trong ao ven bờ) của cư dân trong khu vực	15	25	10	23,3	5	29,4
5	Xâm nhập mặn trên sông diễn ra ngày càng mạnh mẽ và có nhiều tác động bất lợi đến cá nuôi	36	60	25	58,1	11	64,7
6	Một số khó khăn khác (bè nuôi cá bị ảnh hưởng bởi hoạt động du lịch và khai thác thủy sản trên sông)	5	8,3	0	0	5	29,4

Nguyên vọng tiếp tục phát triển mô hình nuôi CĐH lồng bè: Qua khảo sát nông hộ có 95 % (57/60 hộ, trong đó hộ lời là 47/60 hộ (78,3 %) và hộ lỗ là 10/60 (16,7 %) hộ cho rằng, hiện tại nghề nuôi CĐH lồng bè ở Bến Tre tuy có nhiều khó khăn, nhưng họ vẫn bám nghề và có định hướng tiếp tục phát triển mô hình này. Bởi vì theo hộ nuôi, hiện tại chưa có loài thủy sản nào có thể thay thế CĐH nuôi tại địa phương mà có nguồn tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn và ổn định như CĐH. Một số hộ khác (9/60 hộ (chiếm 15 %), trong đó 3 hộ lời (5 %), 6 hộ lỗ (10 %) lại cho rằng, gia đình họ sống tại vùng ven sông, có ít đất sản xuất, nếu không nuôi CĐH lồng bè thì họ cũng chưa biết chuyển đổi sang đối tượng vật nuôi nào mà mang lại hiệu quả kinh tế cho gia đình, vì thế duy trì mô hình nuôi CĐH lồng bè vẫn là sinh kế ưu tiên của gia đình họ.

4 Kết luận và đề xuất

4.1 Kết luận

Một số hiện trạng chính của việc sử dụng tài chính cho nghề nuôi CĐH ở Bến Tre năm 2023 gồm: tổng chi phí đầu tư nuôi cá là 3.816.850 đồng/m³/vụ, tổng doanh thu 4.952.500 đồng/m³/vụ với lợi nhuận 1.135.650 đồng/m³/vụ và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 22,9 %.

Thu nhập từ nghề nuôi CĐH lồng bè đóng góp tốt và đóng góp từ 50 % trở lên vào tổng thu nhập của gia đình (81,7 % hộ đánh giá).

Bên cạnh đó, thuận lợi lớn nhất của nghề nuôi CĐH lồng bè tại Bến Tre là tận dụng được nguồn lao động nhàn rỗi để tăng thu nhập, cải thiện sinh kế cho gia đình (100 % hộ đánh giá).

Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi CĐH mà nông hộ đang gặp phải là giá thức ăn, thuốc hóa chất đang tăng cao và tăng liên

tục theo thời gian; nhưng giá bán cá thương phẩm lại giảm thấp và luôn biến động (100 % hộ đánh giá).

Ngoài ra, có 95 % nông hộ được khảo sát tại Bến Tre có nguyện vọng tiếp tục phát triển, mở rộng mô hình nuôi CĐH lồng bè tại địa phương.

4.2 Đề xuất

Các hộ nuôi cá cần liên kết với nhau thông qua việc tham gia các hợp tác xã nông nghiệp tại địa phương để cùng mua thuốc hóa chất, mua thức ăn nuôi cá để giảm các chi phí đầu vào, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi.

Các công ty cung cấp các dịch vụ hậu cần phục vụ cho nghề nuôi CĐH lồng bè: thức ăn, thuốc và hóa chất cần có nhiều chính sách khuyến mãi hoặc hỗ trợ cho các nông hộ để họ giảm bớt chi phí, giảm giá thành sản xuất.

Các cơ quan chức năng có liên quan ở địa phương cần có chính sách hỗ trợ các nông hộ nuôi CĐH tiếp cận các nguồn vay vốn ưu đãi, giúp họ dễ dàng phát triển mô hình từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính đầu tư nuôi CĐH lồng bè ở tỉnh Bến Tre.

Tài liệu tham khảo

13. Trần Văn Việt (2016). Đánh giá tình hình nuôi cá điêu hồng (*Oreochromis sp.*) trong lồng bè ở sông Tiền vùng thượng nguồn tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ sinh học*, 47, 110-118.
14. Chi cục Thủy sản Bến Tre (2021). *Báo cáo kết quả rà soát tổng hợp tình hình sử dụng mặt nước trên biển, sông chính để nuôi trồng thủy sản*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre.
15. Chi cục Thủy sản Bến Tre (2022). *Kết quả khảo sát tình hình nuôi thủy sản nước ngọt tại 03 huyện Chợ Lách, Châu Thành và Mỏ Cày Nam*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre.
16. Chi cục Thủy sản Bến Tre (2022). *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 lĩnh vực thủy sản*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre.
17. Trần Minh Phú, Nguyễn Tâm Em, Nguyễn Quốc Thịnh, Phùng Thị Trúc Hà, Nguyễn Khánh Nam, Đỗ Thị Thanh Hương và Nguyễn Thanh Phương (2017). Thực trạng sử dụng thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học trong CĐH (*Oreochromis sp.*) nuôi bè vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 51, 80-87.
18. Lê Văn Phú Hào (2023). *Điều tra hiện trạng kỹ thuật và tài chính nghề nuôi cá điêu hồng (Oreochromis sp.) lồng bè tại xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang*. Khóa luận tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản. Trường Đại học Tiền Giang.
19. Phan Võ Nhật Vinh (2015). *Khảo sát hiện trạng nuôi cá rô phi đỏ (Oreochromis sp.) lồng bè ở cồn Thới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang*. Khóa luận tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản. Trường Đại học Tây Đô.
20. Đoàn Thị Minh Châu, Trần Thị Tuyết Hoa và Trần Thị Mỹ Duyên (2020). Khảo sát tình hình sử dụng thảo dược trong nuôi cá điêu hồng (*Oreochromis sp.*) tại Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56, 227-236.

The status of financial using of cage-cultured red tilapia (*Oreochromis* sp.) farming in Ben Tre province

Le Thi Hong Trang

Faculty of Economy and Law, Tien Giang University, Tien Giang

lethihongtrang@tgu.edu.vn

Abstract This study evaluates the current status and financial efficiency of cage-farmed red tilapia (*Oreochromis* sp.) in Ben Tre province in 2023, based on a survey of 60 fish-farming households. The results indicate that the total farming cost is 3,816,850 VND/m³/crop, with a total revenue of 4,952,500 VND/m³/crop, generating a profit of 1,135,650 VND/m³/crop and a profit ratio of 22.9%. For farmers' assessments, 28.3% rated the income from this occupation as "very good", while 18,4% considered it "good". The primary current challenges (recognized by 100% of the surveyed households) include rising feed prices, increasing costs of chemical treatments, worsening water pollution, and, particularly, the growing issue of saltwater intrusion. However, 95% of fish farmers still wish to continue and expand cage-farmed red tilapia production in the region.

Keywords Ben Tre, cage-culture, financial efficiency, *Oreochromis* sp., red tilapia.